

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 15



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Huệ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Quang Vinh	Thành viên
Ông Trần Ngọc Trinh	Thành viên
Ông Cao Khánh Hưng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Huy	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2010
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: 51 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”). Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến 30 tháng 6 năm 2010 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 8 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130 +140 +150)	100		944.579.085.532	679.839.033.886
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	635.892.431.722	487.568.688.761
1. Tiền	111		605.892.431.722	472.568.688.761
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	15.000.000.000
II. Các khoản phải thu	130		282.477.577.967	177.481.049.477
1. Phải thu khách hàng	131		274.031.265.145	176.428.715.465
2. Trả trước cho người bán	132		3.660.120.418	987.049.521
3. Các khoản phải thu khác	135		4.786.192.404	65.284.491
III. Hàng tồn kho	140	5	6.436.220.958	6.401.828.536
1. Hàng tồn kho	141		6.436.220.958	6.401.828.536
IV. Tài sản lưu động khác	150		19.772.854.885	8.387.467.112
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.756.768.303	2.840.109.332
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.453.326.596	2.724.916.113
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		8.025.186	2.382.875.868
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		554.734.800	439.565.799
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		72.757.923.082	84.975.844.013
I. Tài sản cố định	220		70.585.319.685	73.435.483.740
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	68.295.703.809	72.709.264.493
- Nguyên giá	222		99.754.151.341	98.520.450.758
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.458.447.532)	(25.811.186.265)
2. Tài sản cố định vô hình	227		146.580.273	24.303.707
- Nguyên giá	228		272.849.600	125.555.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(126.269.327)	(101.251.893)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2.143.035.603	701.915.540
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	3.360.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	3.360.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.172.603.397	8.180.360.273
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	-	7.361.063.173
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.353.306.297	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		819.297.100	819.297.100
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.017.337.008.614	764.814.877.899

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 15 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		475.338.365.113	254.449.946.204
I. Nợ ngắn hạn	310		475.256.825.426	254.366.466.017
1. Phải trả cho người bán	312	8	406.863.611.616	206.849.907.352
2. Người mua trả tiền trước	313		83.000.000	83.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	45.362.193.322	7.127.109.255
4. Phải trả người lao động	315		5.380.844.984	5.604.634.769
5. Chi phí phải trả	316	10	5.413.225.189	542.416.016
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	8.622.867.790	31.004.547.143
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.531.082.525	3.154.851.482
II. Nợ dài hạn	330		81.539.687	83.480.187
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		81.539.687	83.480.187
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		541.998.643.501	510.364.931.695
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	541.998.643.501	510.364.931.695
1. Vốn điều lệ	411		330.000.000.000	330.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		108.565.671.943	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		22.099.660.111	22.099.660.111
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	600.000.000
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		81.333.311.447	157.665.271.584
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.017.337.008.614	764.814.877.899



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Phương Thúy

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 15 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 45, Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		946.363.225.018	522.792.608.134
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		946.363.225.018	522.792.608.134
4. Giá vốn hàng bán	11		774.402.439.239	384.031.529.728
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		171.960.785.779	138.761.078.406
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		9.108.526.939	6.158.323.295
7. Chi phí tài chính	22		-	175.000.000
8. Chi phí bán hàng	24		63.171.450.095	56.114.672.208
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.201.853.118	5.306.329.554
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		109.696.009.505	83.323.399.939
11. Thu nhập khác	31		4.277.591.570	1.755.800
12. Chi phí khác	32		45.875.000	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.231.716.570	1.755.800
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 40 + 30)	50		113.927.726.075	83.325.155.739
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	13	29.813.490.566	19.842.039.129
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	(1.353.306.297)	(5.250.949.375)
17. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		85.467.541.806	68.734.065.985
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	14	2.590	2.083



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 15 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2010	Từ 1/1/2009
		đến 30/6/2010	đến 30/6/2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	113.927.726.075	83.325.155.739
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.716.403.701	5.335.144.752
Các khoản dự phòng	03	-	175.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.085.833.757)	(6.158.323.295)
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	110.558.296.019	82.676.977.196
(Tăng) các khoản phải thu	09	(100.646.875.750)	(18.248.728.102)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(34.392.422)	(564.459.076)
Tăng các khoản phải trả	11	216.084.060.849	91.314.557.164
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn khác	12	(4.024.324.600)	(1.803.028.130)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(41.653.804.098)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.957.598.957)	(5.524.608.571)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	217.979.165.139	106.196.906.383
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.835.230.195)	(1.646.578.718)
2. Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	23.181.818	-
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.118.874.199	6.345.031.628
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	2.306.825.822	4.698.452.910
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(71.962.248.000)	(47.338.500.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(71.962.248.000)	(47.338.500.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	148.323.742.961	63.556.859.293
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	487.568.688.761	405.774.616.610
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	635.892.431.722	469.331.475.903



Nguyễn Văn Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Phương Thúy

Nguyễn Phương Thúy
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 15 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006815 ngày 23 tháng 5 năm 2007. Ngày 23 tháng 10 năm 2009, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4 số 0304998686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 330 tỷ đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 150 người (tại 31 tháng 12 năm 2009 là 145 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống; mua bán khí công nghiệp (không mua bán gas tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư, máy móc, thiết bị hóa chất và phương tiện vận chuyển ngành dầu khí; tư vấn chuyên giao công nghệ; xây dựng công trình công nghiệp, hệ thống đường ống, kho bãi, trạm chiết phục vụ ngành dầu khí; mua bán, vận chuyển xăng, dầu nhớt, các sản phẩm khí khô, kinh doanh LPG, CNG, LNG và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, khí (không mua bán gas tại trụ sở công ty); cung cấp dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở công ty; không thiết kế phương tiện vận tải); mua bán, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chuyển đổi sử dụng cho phương tiện giao thông vận tải và máy móc - thiết bị ngành nông - lâm - ngư nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; kinh doanh bất động sản; thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khai thác khoáng sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên và các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất, và trong trường hợp giá trị ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 6
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

2030
ÔNG
NHIỆM
E LOI
TẾT N
ĐA -

IP
MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty có nghĩa vụ phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	476.019.943	361.921.293
Tiền gửi ngân hàng	605.416.411.779	472.206.767.468
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	15.000.000.000
	<u>635.892.431.722</u>	<u>487.568.688.761</u>

5. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	6.037.246.789	5.999.017.616
Công cụ, dụng cụ	398.974.169	402.810.920
	<u>6.436.220.958</u>	<u>6.401.828.536</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>6.436.220.958</u>	<u>6.401.828.536</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 45, Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	2.859.467.608	87.445.309.225	5.305.140.145	2.910.533.780	98.520.450.758
Mua sắm mới	265.349.385	10.731.818	325.803.546	721.815.834	1.323.700.583
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(90.000.000)	-	(90.000.000)
Tại ngày 30/6/2010	3.124.816.993	87.456.041.043	5.540.943.691	3.632.349.614	99.754.151.341
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	502.182.843	22.152.853.843	1.747.255.493	1.408.894.086	25.811.186.265
Trích khấu hao	271.413.449	4.484.012.563	459.001.135	476.959.120	5.691.386.267
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(44.125.000)	-	(44.125.000)
Tại ngày 30/6/2010	773.596.292	26.636.866.406	2.162.131.628	1.885.853.206	31.458.447.532
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 1/1/2010	2.357.284.765	65.292.455.382	3.557.884.652	1.501.639.694	72.709.264.493
Tại ngày 30/6/2010	2.351.220.701	60.819.174.637	3.378.812.063	1.746.496.408	68.295.703.809

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh khoản lợi thế kinh doanh với số tiền 44.166.378.643 đồng phát sinh khi cổ phần hóa Xí nghiệp Kinh doanh Khí thấp áp. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong ba năm. Số dư chưa phân bổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 7.361.063.173 đồng đã được phân bổ toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

8. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	30/6/2010 <u>VND</u>	31/12/2009 <u>VND</u>
Tổng Công ty Khí Việt Nam	405.699.988.472	206.717.589.122
Khác	1.163.623.144	132.318.230
	406.863.611.616	206.849.907.352

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2010 <u>VND</u>	31/12/2009 <u>VND</u>
Thuế GTGT phải trả	17.931.578.624	6.960.235.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.430.614.698	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	166.873.583
	45.362.193.322	7.127.109.255

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 45, Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thuê Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2	5.000.904.167	-
Chi phí phải trả khác	412.321.022	542.416.016
	<u>5.413.225.189</u>	<u>542.416.016</u>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/09 ngày 19 tháng 5 năm 2009, Công ty sẽ thuê Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2 trong thời gian từ ngày đưa công trình vào sử dụng đến thời điểm hoàn tất thủ tục mua bán từ Tổng Công ty Khí Việt Nam. Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Tổng Công ty Khí Việt Nam và Công ty đã ký hợp đồng thuê Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2 từ khi công trình đi vào vận hành (ngày 14 tháng 8 năm 2008) đến thời điểm hoàn thành các thủ tục mua tài sản này, tiền thuê hàng tháng là 5.000.904.167 đồng. Công ty đã ghi nhận chi phí thuê tài sản cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010 là 30.005.425.002 đồng.

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức phải trả	8.388.142.000	30.850.390.000
Phải trả, phải nộp khác	234.725.790	154.157.143
	<u>8.622.867.790</u>	<u>31.004.547.143</u>

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phần được phép phát hành	33.000.000	33.000.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	33.000.000	33.000.000
Mệnh giá cổ phần	<u>10.000 đồng</u>	<u>10.000 đồng</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 45, Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về vốn góp của các cổ đông của Công ty tại ngày 30/6/2010 như sau:

	Số vốn thực góp tại 30/6/2010		Số vốn thực góp tại 31/12/2009	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam	59.400.000.000	18,0	59.400.000.000	18,0
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	56.100.000.000	17,0	56.100.000.000	17,0
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	49.500.000.000	15,0	49.500.000.000	15,0
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Bà Rịa - Vũng Tàu	7.440.000.000	2,2	7.440.000.000	2,2
Công ty Cổ phần Thương mại Kinh Thành	8.100.000.000	2,5	8.100.000.000	2,5
Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Mai	6.600.000.000	2,0	6.600.000.000	2,0
Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	10.860.000.000	3,3	10.860.000.000	3,3
Các cổ đông khác	132.000.000.000	40,0	132.000.000.000	40,0
	330.000.000.000	100,0	330.000.000.000	100,0

Thay đổi về vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc nguồn vốn CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2009	330.000.000.000	65.260.004.869	15.064.218.705	3.559.636.629	19.270.274.913	433.154.135.116
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	197.796.383.844	197.796.383.844
Trích từ lợi nhuận	-	-	9.889.819.192	600.000.000	(16.484.328.057)	(5.994.508.865)
Hoàn nhập quỹ đã trích	-	(65.260.004.869)	(2.854.377.786)	(3.209.636.629)	74.199.940.884	2.875.921.600
Chỉ quỹ	-	-	-	(350.000.000)	-	(350.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(117.117.000.000)	(117.117.000.000)
Tại ngày 31/12/2009	330.000.000.000	-	22.099.660.111	600.000.000	157.665.271.584	510.364.931.695
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	85.467.541.806	85.467.541.806
Trích từ lợi nhuận	-	108.565.671.943	-	(400.000.000)	(112.299.501.943)	(4.133.830.000)
Chỉ quỹ	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(49.500.000.000)	(49.500.000.000)
Tại ngày 30/6/2010	330.000.000.000	108.565.671.943	22.099.660.111	-	81.333.311.447	541.998.643.501

Ngày 2 tháng 4 năm 2010, Công ty đã công bố chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 cho các cổ đông với số tiền là 49.500.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/10 ngày 29 tháng 3 năm 2010.

Đồng thời, trong kỳ, Công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 108.565.671.943 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc 31/12/2009, và tạm trích 50% quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2010 với số tiền 4.733.830.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/10 ngày 29 tháng 3 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAMSố 45, Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆPChi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 <u>VND</u>	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 <u>VND</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	113.927.726.075	83.325.155.739
Trừ: các khoản thu nhập không chịu thuế	167.989.000	-
<i>Cổ tức nhận từ CNG</i>	167.989.000	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	5.494.225.189	30.057.925.002
<i>Chi phí thuê tài sản chưa ký hợp đồng thuê</i>	-	30.005.425.002
<i>Chi phí trích trước chưa có hóa đơn</i>	5.413.225.189	-
<i>Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>	81.000.000	52.500.000
Tổng thu nhập chịu thuế	119.253.962.264	113.383.080.741
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	29.813.490.566	28.345.770.185
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	-	8.503.731.056
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	29.813.490.566	19.842.039.129

(*): Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài chính, Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 do đáp ứng điều kiện có số lao động nhỏ hơn 300 người. Số thuế được giảm được xác định bằng 8.503.731.056 đồng.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 <u>VND</u>	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 <u>VND</u>
Tại ngày 1 tháng 1	-	-
Hạch toán vào lãi/(lỗ) trong kỳ	(1.353.306.297)	(5.250.949.375)
Tại ngày 30 tháng 6	1.353.306.297	5.250.949.375

14. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên các cơ sở số liệu sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 <u>VND</u>	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 <u>VND</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	85.467.541.806	68.734.065.985
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	33.000.000	33.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.590	2.083

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 45, Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VND
Mua hàng hóa		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	774.402.439.239	384.031.529.728
Tiền thuê công trình "Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2"		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	30.005.425.002	30.005.425.002
Bán hàng hóa		
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	20.802.112.293	-
Công ty CP CNG Việt Nam	34.421.060.698	11.182.987.003
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	1.378.063.563	1.396.120.531

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	20.810.792.742	9.950.807.120
Công ty CP CNG Việt Nam	17.786.872.981	11.331.727.349
Phải thu khác		
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam (tiền chuyển nhượng cổ phần của CNG)	4.300.800.000	-
Phải trả tiền mua khí và thuê Hệ thống khí thấp áp		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	410.700.892.639	206.717.589.122
Phải trả phải nộp khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	11.880.000.000
Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	7.425.000.000	9.900.000.000
Công ty CP Thương mại tổng hợp Bà Rịa - Vũng Tàu	-	1.488.000.000
Công ty CP Thương mại Kinh Thành	-	1.620.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Mai	-	1.320.000.000

16. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết vốn**

Theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 5 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình "Hệ thống phân phối khí thấp áp cho các Khu công nghiệp huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai" với công suất 2 triệu m³/ngày đêm, tổng mức đầu tư đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-KTA ngày 8 tháng 6 năm 2010 là khoảng 406 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)

Cam kết thuê hoạt động

Ngày 26 tháng 10 năm 2007, Công ty đã ký Hợp đồng số 01-PTL-VTLP với Công ty TNHH Petro Tower thuê văn phòng tại tòa nhà Petro Tower (Thành phố Vũng Tàu). Theo phụ lục hợp đồng ký ngày 14 tháng 8 năm 2009, số tiền thuê hàng tháng là 8.576 đô la Mỹ trong thời gian một năm.

Ngày 26 tháng 10 năm 2007, Công ty đã ký Hợp đồng số 548/HĐ07-LG4 với Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex thuê văn phòng tại tòa nhà CitiLight Tower với thời hạn năm năm kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2007 với số tiền thuê hàng tháng là 13.050 đô la Mỹ.

Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng thuê tài sản số 120/2009/PV GAS-TC-PV GAS D/D4 với Tổng Công ty Khí Việt Nam để thuê Hệ thống khí thấp áp giai đoạn 2. Số tiền thuê hàng tháng là 5.000.904.167 đồng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2008.

Cam kết mua hàng

Theo Hợp đồng mua bán khí số 34/2009/PVGAS/KTTT-PVGAS D/B1 ngày 31 tháng 3 năm 2009 giữa Tổng Công ty khí Việt Nam và Công ty có thời hạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2011, giá mua khí từ Tổng Công ty Khí Việt Nam cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến 30 tháng 6 năm 2010 là từ 3,78 đô la Mỹ/MMBTU đến 4,98 đô la Mỹ/MMBTU (giá mua khí áp dụng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 3,9 đô la Mỹ/MMBTU). Giá mua khí các năm tiếp theo sẽ được thỏa thuận lại khi kết thúc năm tài chính.

17. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 29 tháng 3 năm 2010, Đại hội Đồng cổ đông thường niên của Công ty đã ra Nghị quyết số 01/ĐHĐCĐ-NQ thông qua nội dung tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/09 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 330 tỷ đồng lên 429 tỷ đồng trong năm 2010 với số lượng phát hành thêm là 9,9 triệu cổ phần, trong đó: 8,25 triệu cổ phần dành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 và 1,65 triệu cổ phần dành cho người lao động theo danh sách được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009.
